

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0652003 - Vẽ kỹ thuật
Lớp :

STC : 4(60,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Anh	Cương	3551010102	20/10/1993	4,90		4,90	
2	Phạm Minh	Phú	3651010001	08/12/1994	6,00		5,70	
3	Phạm Xuân	Trọng	3651010004	12/08/1992	4,10		4,10	
4	Lê Phước	Thanh	3651010011	14/02/1994	6,20		5,90	
5	Lê Văn	Nếp	3651010013	08/08/1994	5,30		5,20	
6	Lê Ngọc	Hậu	3651010015	10/02/1994	5,90		5,50	
7	Lê Văn Trọng	Thảo	3651010016	08/01/1994	6,10		6,10	
8	Đào Văn	Khang	3651010018	19/11/1993	5,20		5,10	
9	Lê Hoàng	Anh	3651010019	20/10/1994	5,80		5,70	
10	Trần Quốc	Khanh	3651010023	20/04/1994	7,10		6,10	
11	Bạch Văn	Cô	3651010027	27/02/1994	6,20		5,60	
12	Đặng Hải	Dương	3651010032	02/09/1993	6,80		6,20	
13	Lý Trình	Đức	3651010033	15/06/1994	2,70		2,70	
14	Đinh Văn	Tuấn	3651010038	10/06/1994	6,30		5,90	
15	Trần Ngọc	Thắng	3651010039	08/05/1993	6,10		5,40	
16	Trần Kỳ	Nam	3651010040	29/05/1994	4,10		4,10	
17	Nguyễn Tuấn	Vũ	3651010042	11/10/1994	6,20		5,40	
18	Lương Nhựt	Tân	3651010043	23/12/1994	6,30		5,60	
19	Trần Đắc	Liêm	3651010045	21/01/1994	6,20		5,30	
20	Trần Văn	Hoàng	3651010052	10/04/1994	6,90		6,10	
21	Lê Quang	Phúc	3651010059	10/04/1992	6,70		6,10	
22	Đặng Đình	Phong	3651010070	05/10/1993	6,20		5,90	
23	Nguyễn	Quốc	3651010072	09/06/1993	6,10		5,90	
24	Trần Anh	Thông	3651010075	12/11/1994	4,90		4,90	
25	Tô Đông	Xuân	3651010079	11/11/1994	6,70		5,60	
26	Hồ Nhật	Tín	3651010080	05/04/1994	6,20		5,90	
27	Nguyễn Trần Ngọc	Thiện	3651010083	30/01/1994	5,10		5,10	
28	Huỳnh Minh	Quang	3651010085	01/03/1993	4,50		4,50	
29	Trần Minh	Tú	3651010087	11/10/1994	5,30		4,90	
30	Hồ Đắc Minh	Thành	3651010089	14/04/1994	5,30		5,10	
31	Nguyễn Trần	Huy	3651010090	04/01/1993	5,90		5,70	
32	Lê Văn	Tĩnh	3651010100	28/09/1994	6,90		5,90	
33	Dương Chí	Hiếu	3651010102	14/09/1994	6,00		5,90	
34	Trịnh Phú	Quý	3651010105	27/10/1994	5,10		5,10	
35	Lưu Thế	Vinh	3651010115	07/01/1992	5,00		4,90	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Lê Hồng	Quân	3651010116	25/02/1992	1,30		1,30	
37	Nguyễn Bình	An	3651010123	06/01/1994	,00		,00	
38	Mai Tấn	Tài	3651010124	05/08/1993	6,20		6,10	
39	Vũ Hoàng	Nam	3651010129	17/03/1994	2,30		2,30	
40	Trần	Thuận	3651010133	06/10/1993	4,60		4,60	
41	Văn Công Nhựt	Minh	3651010135	04/10/1992	2,80		2,80	
42	Bùi Thượng	Uy	3651010136	18/03/1994	5,30		5,10	
43	Trương Văn	Việt	3651010144	17/06/1994	5,90		5,90	
44	Trương Văn	Kha	3651010146	21/11/1994	,00		,00	
45	Nguyễn Đức	Minh	3651010148	16/03/1994	4,90		4,90	
46	Nguyễn Thanh	Sơn	3651010155	29/12/1992	6,50		5,70	
47	Phạm Thanh	Tuyên	3651010160	13/05/1992	6,40		5,70	
48	Phạm Tuấn	Em	3651010163	24/10/1994	6,00		5,80	
49	Võ Văn	Hiền	3651010315	26/06/1993	6,80		5,90	
50	Phạm Tuấn	Kiệt	3651010316	03/02/1993	,00		,00	
51	Nguyễn Xuân	Thành	3651010322	25/07/1991	,30		,30	
52	Lê Trường	Giang	3651010326	31/03/1993	3,00		2,80	
53	Hà Quốc	Tuấn	3651010328	01/01/1993	6,00		5,50	
54	Nguyễn Văn	Linh	3651010331	21/07/1992	,00		,00	
55	Nguyễn Hồng	Quân	3651010332	03/05/1994	7,00		5,90	
56	Đặng Hà	Thành	3651010334	17/11/1992	5,50		5,20	
57	Nguyễn Thanh	Diễm	3651010336	15/09/1993	5,70		5,50	
58	Nguyễn Đức	Trung	3651010338	03/07/1994	6,60		5,70	
59	Trần Tấn	Phúc	3651010348	01/07/1993	,00		,00	
60	Vũ Tiến	Thao	3651010351	22/10/1994	4,80		4,80	
61	Phạm Hữu	Bảo	3651010352	26/06/1991	5,50		5,20	
62	Phan Trọng	Hiếu	3651010360	15/04/1991	,30		,30	
63	Nguyễn Tấn	Nam	3651010366	28/02/1994	5,70		5,60	
64	Phạm Minh	Hoàng	3651010376	09/01/1992	,30		,30	
65	Nguyễn Bảo	Hà	3651010377	13/07/1993	5,10		4,90	
66	Hồ Thanh	Quang	3651010385	07/02/1994	7,00		6,10	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)